

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 101

Họ và tên:.....

Lớp:

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Kiểu dữ liệu nào thường được dùng cho trường chứa thông tin về "Ngày mượn sách" trong Access?

- A. Short Text. B. Number. C. Yes/No. D. Date/Time.

Câu 2. Trong bảng "Quản lý sách", hãy chọn trường phù hợp nhất để làm khóa chính trong danh sách sau:

- A. Tên sách. B. Mã số sách C. Năm xuất bản. D. Tên tác giả.

Câu 3. Khóa chính (Primary Key) của một bảng là một hoặc nhiều trường có đặc điểm gì?

- A. Luôn phải có kiểu dữ liệu là số nguyên dương.
B. Giúp phân biệt duy nhất các bản ghi trong bảng.
C. Có độ dài lớn nhất trong tất cả các trường.
D. Chứa các giá trị giống nhau ở mọi bản ghi.

Câu 4. Khi thiết lập liên kết giữa hai bảng, điều kiện tiên quyết về kiểu dữ liệu của hai trường liên kết là gì?

- A. Không cần quan tâm đến kiểu dữ liệu của các trường.
B. Phải cùng kiểu dữ liệu (trừ một số ngoại lệ tương thích).
C. Trường khóa chính phải là kiểu số, khóa ngoài kiểu chữ.
D. Phải là kiểu Short Text cho cả hai trường.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về sự khác biệt giữa CSDL và hệ quản trị CSDL?

- A. CSDL là phần mềm dùng để tạo lập các bảng dữ liệu.
B. Hệ quản trị CSDL là tập hợp các dữ liệu có liên quan.
C. CSDL là nơi lưu trữ, hệ quản trị CSDL là công cụ điều khiển.
D. Hệ quản trị CSDL và CSDL là hai tên gọi của một phần mềm.

Câu 6. Khẳng định nào sau đây nêu đúng về nhu cầu dẫn đến sự ra đời của các hệ CSDL?

- A. Do các loại máy tính cá nhân không còn đủ bộ nhớ để lưu trữ văn bản.
B. Do nhu cầu tăng tốc độ xử lý các phép toán số học phức tạp hiện nay.
C. Do nhu cầu thay thế hoàn toàn con người trong việc ra quyết định.
D. Do nhu cầu lưu trữ dữ liệu ngày càng lớn và cần chia sẻ dùng chung.

Câu 7. Trong cấu trúc của một bảng dữ liệu, mỗi hàng ghi thông tin về một đối tượng cụ thể được gọi là gì?

- A. Tên bảng (Table Name). B. Kiểu dữ liệu (Data Type).
C. Trường (Field). D. Bản ghi (Record).

Câu 8. Trong các công việc thường gặp của bài toán quản lý, việc bổ sung thêm một hồ sơ mới vào danh sách thuộc nhóm công việc nào?

- A. Lưu trữ hồ sơ. B. Khai thác thông tin.
C. Thu thập dữ liệu. D. Cập nhật dữ liệu.

Câu 9. Đối tượng nào trong Microsoft Access được dùng để lưu trữ dữ liệu thực sự?

- A. Report (Báo cáo). B. Form (Biểu mẫu). C. Table (Bảng). D. Query (Truy vấn).

Câu 10. Trong Access, kiểu dữ liệu nào phù hợp nhất để lưu trữ thông tin 'Học sinh đã nộp học phí hay chưa'?

- A. Currency. B. Short Text. C. Yes/No. D. Number.

Câu 11. Mục đích chính của việc chia dữ liệu thành nhiều bảng và thiết lập liên kết giữa chúng là gì?

- A. Để giúp cho việc in ấn dữ liệu ra giấy được đẹp mắt hơn.
B. Để làm cho cấu trúc CSDL trở nên phức tạp và bảo mật hơn.
C. Để tăng dung lượng lưu trữ của các tệp tin cơ sở dữ liệu.
D. Để tránh dư thừa dữ liệu và đảm bảo tính nhất quán thông tin.

Câu 12. Để thay đổi cấu trúc của một bảng (như thêm trường, đổi kiểu dữ liệu), bạn cần mở bảng đó ở chế độ nào?

- A. Print Preview. B. Layout View. C. Datasheet View. D. Design View.

Câu 13. Một trường trong một bảng mà giá trị của nó tham chiếu đến khóa chính của một bảng khác được gọi là gì?

- A. Khóa chính. B. Khóa phụ. C. Khóa ngoài. D. Khóa liên kết.

Câu 14. Trong Access, sau khi đã khai báo các trường, để thiết lập một trường làm khóa chính, ta thực hiện thao tác nào?

- A. Chọn kiểu dữ liệu là AutoNumber cho trường đó.
B. Nháy đúp chuột vào tên trường ở chế độ Datasheet View.
C. Chọn trường đó và nhấn nút Primary Key trên dải lệnh.
D. Nhập chữ "Khóa chính" vào phần Description của trường.

Câu 15. Theo quy tắc ràng buộc tham chiếu, giá trị của khóa ngoài phải đáp ứng điều kiện nào?

- A. Phải là giá trị duy nhất và không được để trống hoàn toàn.
B. Phải có độ dài ngắn hơn độ dài của trường khóa chính tương ứng.
C. Phải tồn tại trong tập các giá trị khóa chính của bảng liên quan.
D. Phải có tên gọi giống hệt với tên trường khóa chính của bảng đó.

Câu 16. Để tạo liên kết giữa bảng HỌC SINH và bảng ĐIỂM trên trường "Mã học sinh", bạn cần thực hiện thao tác nào trong cửa sổ Relationships?

- A. Nhấn nút Save để hệ thống tự động nhận diện liên kết.
B. Kéo trường "Mã học sinh" từ bảng này thả vào bảng kia.
C. Nháy chuột phải vào bảng HỌC SINH và chọn Link.
D. Nhập tên bảng ĐIỂM vào thuộc tính của bảng HỌC SINH.

Câu 17. Thành phần nào sau đây KHÔNG phải là một đối tượng chính trong Microsoft Access?

- A. Folder (Thư mục). B. Report. C. Query. D. Table.

Câu 18. Trong mô hình quản lý bán hàng gồm bảng KHACH_HANG (Mã KH, Tên KH) và HOA_DON (Số HD, Ngày lập, Mã KH). Trường nào đóng vai trò khóa ngoài?

- A. Mã KH trong bảng HOA_DON. B. Mã KH trong bảng KHACH_HANG.
C. Ngày lập trong bảng HOA_DON. D. Số HD trong bảng HOA_DON.

Câu 19. Trong bảng dữ liệu "Nhân viên", trường nào sau đây **không thể** dùng làm khóa chính một mình?

- A. Số Chứng minh nhân dân.
- B. Mã số nhân viên.
- C. Quê quán.
- D. Số thẻ căn cước công dân.

Câu 20. Tại sao trong một bảng không được phép có hai bản ghi có giá trị khóa chính trùng nhau?

- A. Để hệ quản trị CSDL tự động sắp xếp dữ liệu theo bảng chữ cái.
- B. Để người dùng có thể nhập dữ liệu nhanh chóng mà không cần kiểm tra.
- C. Để đảm bảo tính duy nhất và định danh chính xác đối tượng.
- D. Để tiết kiệm không gian lưu trữ cho bộ nhớ máy tính.

Câu 21. Trong quản lý học sinh, tại sao nên chọn "Mã số học sinh" làm khóa chính thay vì chọn "Họ và tên"?

- A. Vì họ tên có thể trùng nhau, dẫn đến không phân biệt được.
- B. Vì mã số học sinh do nhà trường cấp nên luôn chính xác nhất.
- C. Vì mã số thường ngắn hơn và dễ nhập liệu từ bàn phím.
- D. Vì kiểu dữ liệu số của mã số xử lý nhanh hơn kiểu văn bản.

Câu 22. Để thay đổi giới hạn số ký tự của một trường tên từ mặc định xuống còn 50 ta điều chỉnh ở đâu trong MS Access?

- A. Format.
- B. Field Size.
- C. Input Mask.
- D. Default Value.

Câu 23. Khi làm việc với Microsoft Access, việc xác định kiểu dữ liệu (Data Type) phù hợp cho mỗi trường có lợi ích chính nào sau đây?

- A. Giúp tối ưu hóa bộ nhớ, hỗ trợ các phép toán và kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.
- B. Giúp tự động định dạng hiển thị và căn chỉnh vị trí các cột dữ liệu trong bảng.
- C. Giúp tăng cường dung lượng tệp tin để đảm bảo không giới hạn số lượng các bản ghi.
- D. Giúp hệ quản trị CSDL tự động xác định khóa chính và tạo liên kết cho các bảng.

Câu 24. Hoạt động nào sau đây là một ví dụ điển hình về bài toán quản lý?

- A. Soạn thảo một văn bản thông báo của lớp.
- B. Thiết kế một hình ảnh đồ họa cho buổi lễ.
- C. Giải một phương trình bậc hai trên máy tính.
- D. Quản lý danh sách mượn trả sách tại thư viện.

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI: Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu 25: Trong quá trình thiết kế và tạo lập các bảng dữ liệu bằng Microsoft Access, một nhóm học sinh đưa ra các nhận định sau:

- A. Trong một bảng dữ liệu, có thể có nhiều bản ghi khác nhau nhưng giá trị tại trường được chọn làm khóa chính (Primary Key) của các bản ghi đó bắt buộc phải khác nhau và không được để trống.
- B. Khi tạo liên kết (Relationship) giữa hai bảng, hai trường tham gia liên kết bắt buộc phải có tên giống hệt nhau thì hệ thống mới nhận diện được.
- C. Để thay đổi cấu trúc của một bảng (như thêm trường mới, thay đổi kiểu dữ liệu), người dùng phải mở bảng đó ở chế độ Datasheet View (chế độ trang dữ liệu).
- D. Tùy chọn "Enforce Referential Integrity" (Ràng buộc toàn vẹn tham chiếu) giúp đảm bảo rằng mọi giá trị ở trường khóa ngoài của bảng con phải tồn tại trong trường khóa chính của bảng mẹ.

Câu 26: Trong một cơ sở dữ liệu quan hệ, việc thiết lập khóa và liên kết bảng tuân thủ các quy tắc sau:

- A. Khóa chính của một bảng bắt buộc chỉ được phép là một trường duy nhất; không thể chọn một tập hợp nhiều trường làm khóa chính,.
- B. Khi thiết lập liên kết giữa bảng Mẹ và bảng Con, giá trị của trường khóa ngoài ở bảng Con phải tồn tại trong trường khóa chính của bảng Mẹ (nếu đã thiết lập ràng buộc toàn vẹn),.
- C. Khi thực hiện liên kết các bảng, khóa chính và khóa ngoài phải có cùng kiểu dữ liệu.
- D. Khóa ngoài của một bảng là một trường (hoặc tập hợp trường) của bảng này nhưng đồng thời lại đóng vai trò là khóa chính của một bảng khác

Câu 27: Khi làm việc với Microsoft Access để quản lý dữ liệu, học sinh cần nắm vững các thao tác sau:

- A. Kiểu dữ liệu **AutoNumber** là kiểu số mà Access tự động sinh ra cho bản ghi mới; người dùng không thể tự nhập giá trị trực tiếp vào trường này.
- B. Chế độ **Design View** (Khung nhìn thiết kế) dùng để nhập dữ liệu mới vào bảng, còn chế độ **Datasheet View** (Khung nhìn dữ liệu) dùng để thay đổi kiểu dữ liệu của trường.
- C. Muốn thiết lập khóa chính gồm hai trường phối hợp trong Access, ta thực hiện trong chế độ Design View.
- D. Việc thiết lập đúng mối quan hệ giữa các bảng lại giúp bảo vệ tính toàn vẹn của dữ liệu.

Câu 28: Trong quá trình thiết kế các bảng dữ liệu để quản lý thư viện trường học, một học sinh đưa ra các nhận định sau:

- A. Mỗi bảng dữ liệu trong CSDL quan hệ bắt buộc phải có ít nhất một trường hoặc một nhóm trường làm khóa chính.
- B. Khóa chính giúp hệ quản trị CSDL phân biệt được các đối tượng khác nhau, do đó giá trị khóa chính có thể trùng nhau nếu các trường khác khác nhau.
- C. Khóa ngoài là một trường (hoặc nhóm trường) của một bảng nhưng lại tham chiếu đến khóa chính của một bảng khác để tạo liên kết.
- D. Để đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu (Referential Integrity), giá trị của khóa ngoài phải tồn tại trong tập các giá trị của khóa chính ở bảng được tham chiếu.

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 102

Họ và tên:.....

Lớp:

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Khẳng định nào sau đây là **SAI** khi nói về quy tắc đặt tên trường trong một bảng?

- A. Các trường trong cùng một bảng không được phép trùng tên nhau.
- B. Tên trường bắt buộc phải viết bằng tiếng Anh để phần mềm nhận diện.
- C. Tên trường có thể chứa dấu cách nhưng nên hạn chế để tránh lỗi truy vấn.
- D. Tên trường nên ngắn gọn và phản ánh nội dung dữ liệu chứa trong đó.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây mô tả đúng nhất về tính độc lập dữ liệu trong hệ CSDL?

- A. Người dùng có thể truy cập dữ liệu mà không cần thông qua phần mềm.
- B. Cấu trúc dữ liệu có thể thay đổi mà không làm thay đổi các chương trình ứng dụng.
- C. Dữ liệu không bị ảnh hưởng khi ta thay đổi phần cứng máy tính.
- D. Một tệp dữ liệu chỉ có thể được sử dụng bởi một chương trình ứng dụng duy nhất.

Câu 3. Trong bảng "HOA_DON" gồm: Số_HD, Ngày_lập, Mã_Khách, Tổng_tiền. Nếu mỗi khách hàng có thể mua nhiều hóa đơn trong một ngày, khóa chính phù hợp nhất là:

- A. Mã_Khách và Ngày_lập.
- B. Số_HD.
- C. Mã_Khách.
- D. Ngày_lập.

Câu 4. Công việc nào sau đây thuộc về hoạt động "Lưu trữ hồ sơ" trong bài toán quản lý?

- A. Sửa thông tin địa chỉ của một nhân viên.
- B. Thống kê tỉ lệ học sinh khá, trung bình.
- C. Nhập danh sách học sinh mới vào máy tính.
- D. In danh sách học sinh giỏi cuối kỳ.

Câu 5. Tại sao các hệ thống quản lý thường dùng số CCCD hoặc Mã định danh để làm khóa chính thay vì dùng Họ tên và Ngày sinh?

- A. Vì Họ tên và Ngày sinh không thể dùng để sắp xếp thứ tự.
- B. Vì Họ tên và Ngày sinh quá dài, gây tốn bộ nhớ khi lưu trữ.
- C. Vì hệ quản trị CSDL không hỗ trợ dùng dữ liệu kiểu ngày tháng làm khóa.
- D. Vì mã định danh đảm bảo tính duy nhất và không bị thay đổi theo thời gian.

Câu 6. Để lưu trữ giá tiền của một sản phẩm trong Access, ta nên chọn kiểu dữ liệu nào để hỗ trợ tốt nhất các định dạng tiền tệ?

- A. Number.
- B. Short Text.
- C. Currency.
- D. AutoNumber.

Câu 7. Trong Access, thuộc tính "Field Size" của kiểu dữ liệu Short Text có giá trị tối đa là bao nhiêu ký tự?

- A. 65535.
- B. 512.
- C. 128.
- D. 255.

Câu 8. Khóa ngoài (Foreign Key) được sử dụng nhằm mục đích chính là gì?

- A. Để thay thế cho khóa chính khi khóa chính bị mất.
- B. Để bảo mật dữ liệu cho bảng.
- C. Để thiết lập mối liên kết giữa các bảng.
- D. Để tăng tốc độ tìm kiếm dữ liệu trong bảng.

Câu 9. Muốn thay đổi tên một trường đã có trong bảng mà không làm mất dữ liệu hiện có, bạn nên thực hiện thao tác nào?

- A. Mở bảng ở chế độ Datasheet View và nháy đúp vào tên cột.
- B. Tạo một bảng mới hoàn toàn và sao chép dữ liệu từ bảng cũ sang.
- C. Xóa trường cũ đi và tạo một trường mới với tên mới.
- D. Mở bảng ở chế độ Design View và sửa tên trường tại cột Field Name.

Câu 10. Mối liên kết giữa các bảng trong CSDL quan hệ dựa trên thành phần nào?

- A. Tên của các bảng phải có sự liên quan logic.
- B. Các hàng có cùng số thứ tự bản ghi.
- C. Các câu lệnh lập trình được viết bên trong bảng.
- D. Các thuộc tính (trường) chung giữa các bảng.

Câu 11. Trong một hệ CSDL, thành phần nào sau đây đóng vai trò là "phần mềm" để người dùng tương tác và quản lý dữ liệu?

- A. Các tệp tin văn bản rời rạc.
- B. Cơ sở dữ liệu (Database).
- C. Các thiết bị lưu trữ vật lý.
- D. Hệ quản trị CSDL (DBMS).

Câu 12. Khẳng định nào sau đây về mối quan hệ giữa các bảng là ĐÚNG?

- A. Hai bảng chỉ có thể liên kết với nhau nếu chúng có cùng số lượng bản ghi.
- B. Liên kết chỉ được thực hiện giữa các bảng có cùng tên.
- C. Liên kết giúp ta có thể truy xuất thông tin từ nhiều bảng cùng lúc thông qua truy vấn.
- D. Sau khi tạo liên kết, ta không thể thay đổi cấu trúc của bảng được nữa.

Câu 13. Trong CSDL quan hệ, thuật ngữ "Trường" (Field) dùng để chỉ thành phần nào của bảng?

- A. Toàn bộ nội dung bảng.
- B. Một ô dữ liệu duy nhất.
- C. Một cột trong bảng.
- D. Một hàng trong bảng.

Câu 14. Để thiết lập liên kết 1- nhiều giữa bảng LỚP và bảng HỌC SINH, bạn phải kéo trường khóa chính từ bảng nào thả vào trường tương ứng của bảng nào?

- A. Kéo từ bảng LỚP thả vào bảng HỌC SINH.
- B. Không cần kéo thả, chỉ cần nhấp chuột phải chọn Link.
- C. Kéo từ bảng bất kỳ miễn là hai trường có cùng tên.
- D. Kéo từ bảng HỌC SINH thả vào bảng LỚP.

Câu 15. Trong cửa sổ Edit Relationships, tùy chọn "Enforce Referential Integrity" có tác dụng gì?

- A. Cho phép người dùng nhập dữ liệu vào bảng con mà không cần bảng cha.
- B. Đảm bảo dữ liệu ở bảng khóa ngoài luôn có giá trị khớp với bảng khóa chính.
- C. Tăng tốc độ truy xuất dữ liệu khi thực hiện các câu lệnh tìm kiếm phức tạp.
- D. Tự động mã hóa dữ liệu để bảo mật thông tin khách hàng.

Câu 16. Một bảng trong CSDL quan hệ có thể có tối đa bao nhiêu khóa chính?

- A. Chỉ có duy nhất một khóa chính.
- B. Có thể có hai khóa chính hỗ trợ cho nhau.
- C. Không giới hạn số lượng khóa chính trong một bảng.

D. Có số lượng khóa chính tùy thuộc vào số bản ghi.

Câu 17. Tại sao việc sử dụng CSDL lại giúp giảm thiểu sự dư thừa dữ liệu so với lưu trữ bằng tệp tin thông thường?

- A.** Vì dữ liệu được nén lại để tiết kiệm không gian lưu trữ tối đa.
- B.** Vì dữ liệu được tập trung và chia sẻ dùng chung giữa các bộ phận.
- C.** Vì hệ quản trị CSDL tự động xóa bỏ các bản ghi có nội dung tương tự.
- D.** Vì CSDL không cho phép lưu trữ thông tin về cùng một đối tượng ở nhiều nơi.

Câu 18. Trong chế độ thiết kế bảng (Design View), cột "Data Type" dùng để thực hiện việc gì?

- A.** Thiết lập các ràng buộc bảo mật cho người dùng.
- B.** Nhập dữ liệu thực tế cho các bản ghi.
- C.** Khai báo kiểu dữ liệu cho từng trường của bảng.
- D.** Mô tả chi tiết ý nghĩa của các trường dữ liệu.

Câu 19. Cho bảng KET_QUA(Mã_HS, Mã_Môn, Điểm_số). Để xác định duy nhất điểm số của một học sinh cho một môn học cụ thể, khóa chính nên là:

- A.** Điểm_số.
- B.** Mã_Môn.
- C.** Cặp (Mã_HS, Mã_Môn).
- D.** Mã_HS.

Câu 20. Bạn đang thiết lập liên kết nhưng Access thông báo lỗi không cho phép lưu vì bảng đang được mở (Table is already in use). Bạn cần làm gì?

- A.** Đóng tất cả các bảng đang mở trước khi thiết lập liên kết.
- B.** Xóa liên kết vừa tạo và làm lại từ đầu.
- C.** Chuyển tất cả các bảng sang chế độ Design View rồi mới liên kết.
- D.** Khởi động lại máy tính.

Câu 21. Khi tạo liên kết giữa hai trường của hai bảng, nếu Access báo lỗi "Relationship must be on the same number of fields with the same data types", nguyên nhân là gì?

- A.** Do một trong hai bảng chưa được thiết lập khóa chính.
- B.** Do tên của hai bảng giống hệt nhau khiến hệ thống nhầm lẫn.
- C.** Do hai bảng chưa được nhập dữ liệu.
- D.** Do hai trường liên kết không cùng kiểu dữ liệu.

Câu 22. Chế độ 'Design View' trong Access được dùng để làm gì?

- A.** Để xóa toàn bộ dữ liệu trong CSDL một cách nhanh chóng.
- B.** Để thiết kế hoặc thay đổi cấu trúc của bảng (tên trường, kiểu dữ liệu).
- C.** Để xem kết quả cuối cùng của một báo cáo.
- D.** Để nhập các bản ghi mới vào bảng.

Câu 23. Để mở cửa sổ thiết lập liên kết giữa các bảng trong Access, ta chọn thẻ (Tab) nào trên thanh Ribbon?

- A.** External Data.
- B.** Database Tools.
- C.** Home.
- D.** Create.

Câu 24. Bảng LOP(Mã_Lớp, Tên_Lớp) và bảng HOC_SINH(Mã_HS, Họ_tên, Mã_Lớp). Khẳng định nào sau đây là đúng về khóa ngoài?

- A.** Mã_HS trong bảng HOC_SINH là khóa ngoài.
- B.** Mã_Lớp trong bảng HOC_SINH là khóa ngoài tham chiếu đến bảng LOP.
- C.** Tên_Lớp trong bảng LOP là khóa ngoài tham chiếu đến bảng HOC_SINH.
- D.** Mã_Lớp trong bảng LOP là khóa ngoài.

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI: Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu 25: Khi thiết kế bảng dữ liệu, các khẳng định sau đây là đúng hay sai?

- A. Khóa chính của một bảng có thể bao gồm từ hai trường trở lên gộp lại.
- B. Trường được chọn làm khóa chính có thể nhận giá trị Null (trống) nếu chưa có dữ liệu.
- C. Một bảng có thể không cần có khóa ngoài nhưng bắt buộc phải có khóa chính để hoạt động ổn định.
- D. Khóa ngoài của bảng này phải là khóa chính của một bảng khác trong cùng hệ CSDL.

Câu 26: Khi thực hành tạo bảng và liên kết trên Access:

- A. Kiểu dữ liệu AutoNumber sẽ tự động tăng giá trị khi có một bản ghi mới được thêm vào.
- B. Khi thiết lập liên kết, hai trường liên kết bắt buộc phải có tên gọi hoàn toàn giống nhau.
- C. Tùy chọn "Cascade Update Related Fields" giúp tự động cập nhật dữ liệu ở bảng con khi bảng cha thay đổi.
- D. Trong cửa sổ Relationships, đường nối giữa hai bảng có ký hiệu 1 và ∞ biểu thị mối quan hệ 1-N.

Câu 27: Giả sử ta đang tạo lập một CSDL quản lý bán hàng trên Access:

- A. Với trường "Đơn giá", việc chọn kiểu dữ liệu là Currency sẽ phù hợp hơn kiểu Number vì hỗ trợ ký hiệu tiền tệ và hiển thị chuyên nghiệp.
- B. Thuộc tính Field Size giúp hạn chế dung lượng lưu trữ của các bản ghi bằng cách giới hạn số ký tự tối đa cho trường văn bản.
- C. Để thiết lập liên kết giữa hai bảng, hai trường tham gia liên kết bắt buộc phải có cùng kiểu dữ liệu (Data Type).
- D. Khi thiết lập liên kết, nếu chọn "Enforce Referential Integrity", ta có thể xóa một mặt hàng ở bảng Danh mục ngay cả khi mặt hàng đó đã có trong các Hóa đơn.

Câu 28: Khi thiết kế một CSDL để quản lý điểm học sinh, ta có các nhận định sau:

- A. Một bảng dữ liệu có thể không cần thiết lập khóa chính nếu bảng đó chỉ có ít bản ghi.
- B. Khóa chính giúp hệ quản trị CSDL định danh duy nhất mỗi bản ghi trong bảng, đảm bảo không có hai bản ghi nào trùng hoàn toàn giá trị khóa chính.
- C. Khóa ngoài là một trường (hoặc nhóm trường) tham chiếu đến khóa chính của một bảng khác để thể hiện mối liên kết dữ liệu.
- D. Khi nhập dữ liệu cho khóa ngoài, giá trị đó có thể không tồn tại trong bảng được tham chiếu nếu người dùng muốn bổ sung thông tin sau.

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 103

Họ và tên:.....

Lớp:

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Kiểu dữ liệu nào thường được dùng cho trường chứa thông tin về "Ngày mượn sách" trong Access?

- A. Short Text. B. Yes/No. C. Number. D. Date/Time.

Câu 2. Để tạo liên kết giữa bảng HỌC SINH và bảng ĐIỂM trên trường "Mã học sinh", bạn cần thực hiện thao tác nào trong cửa sổ Relationships?

- A. Kéo trường "Mã học sinh" từ bảng này thả vào bảng kia.
B. Nhấn nút Save để hệ thống tự động nhận diện liên kết.
C. Nhập tên bảng ĐIỂM vào thuộc tính của bảng HỌC SINH.
D. Nháy chuột phải vào bảng HỌC SINH và chọn Link.

Câu 3. Khẳng định nào sau đây nêu đúng về nhu cầu dẫn đến sự ra đời của các hệ CSDL?

- A. Do nhu cầu tăng tốc độ xử lý các phép toán số học phức tạp hiện nay.
B. Do nhu cầu thay thế hoàn toàn con người trong việc ra quyết định.
C. Do nhu cầu lưu trữ dữ liệu ngày càng lớn và cần chia sẻ dùng chung.
D. Do các loại máy tính cá nhân không còn đủ bộ nhớ để lưu trữ văn bản.

Câu 4. Trong bảng "Quản lý sách", hãy chọn trường phù hợp nhất để làm khóa chính trong danh sách sau:

- A. Tên sách. B. Năm xuất bản. C. Tên tác giả. D. Mã số sách

Câu 5. Trong Access, kiểu dữ liệu nào phù hợp nhất để lưu trữ thông tin 'Học sinh đã nộp học phí hay chưa'?

- A. Yes/No. B. Currency. C. Number. D. Short Text.

Câu 6. Trong mô hình quản lý bán hàng gồm bảng KHACH_HANG (Mã KH, Tên KH) và HOA_DON (Số HD, Ngày lập, Mã KH). Trường nào đóng vai trò khóa ngoài?

- A. Mã KH trong bảng HOA_DON. B. Ngày lập trong bảng HOA_DON.
C. Mã KH trong bảng KHACH_HANG. D. Số HD trong bảng HOA_DON.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về sự khác biệt giữa CSDL và hệ quản trị CSDL?

- A. CSDL là phần mềm dùng để tạo lập các bảng dữ liệu.
B. Hệ quản trị CSDL và CSDL là hai tên gọi của một phần mềm.
C. Hệ quản trị CSDL là tập hợp các dữ liệu có liên quan.
D. CSDL là nơi lưu trữ, hệ quản trị CSDL là công cụ điều khiển.

Câu 8. Đối tượng nào trong Microsoft Access được dùng để lưu trữ dữ liệu thực sự?

- A. Query (Truy vấn). B. Table (Bảng). C. Report (Báo cáo). D. Form (Biểu mẫu).

Câu 9. Để thay đổi cấu trúc của một bảng (như thêm trường, đổi kiểu dữ liệu), bạn cần mở bảng đó ở chế độ nào?

A. Datasheet View. B. Print Preview. C. Design View. D. Layout View.

Câu 10. Trong quản lý học sinh, tại sao nên chọn "Mã số học sinh" làm khóa chính thay vì chọn "Họ và tên"?

- A.** Vì họ tên có thể trùng nhau, dẫn đến không phân biệt được.
- B.** Vì mã số thường ngắn hơn và dễ nhập liệu từ bàn phím.
- C.** Vì mã số học sinh do nhà trường cấp nên luôn chính xác nhất.
- D.** Vì kiểu dữ liệu số của mã số xử lý nhanh hơn kiểu văn bản.

Câu 11. Mục đích chính của việc chia dữ liệu thành nhiều bảng và thiết lập liên kết giữa chúng là gì?

- A.** Để tránh dư thừa dữ liệu và đảm bảo tính nhất quán thông tin.
- B.** Để tăng dung lượng lưu trữ của các tệp tin cơ sở dữ liệu.
- C.** Để làm cho cấu trúc CSDL trở nên phức tạp và bảo mật hơn.
- D.** Để giúp cho việc in ấn dữ liệu ra giấy được đẹp mắt hơn.

Câu 12. Theo quy tắc ràng buộc tham chiếu, giá trị của khóa ngoài phải đáp ứng điều kiện nào?

- A.** Phải có tên gọi giống hệt với tên trường khóa chính của bảng đó.
- B.** Phải có độ dài ngắn hơn độ dài của trường khóa chính tương ứng.
- C.** Phải tồn tại trong tập các giá trị khóa chính của bảng liên quan.
- D.** Phải là giá trị duy nhất và không được để trống hoàn toàn.

Câu 13. Trong cấu trúc của một bảng dữ liệu, mỗi hàng ghi thông tin về một đối tượng cụ thể được gọi là gì?

- A.** Trường (Field).
- B.** Tên bảng (Table Name).
- C.** Kiểu dữ liệu (Data Type).
- D.** Bản ghi (Record).

Câu 14. Hoạt động nào sau đây là một ví dụ điển hình về bài toán quản lý?

- A.** Giải một phương trình bậc hai trên máy tính.
- B.** Quản lý danh sách mượn trả sách tại thư viện.
- C.** Soạn thảo một văn bản thông báo của lớp.
- D.** Thiết kế một hình ảnh đồ họa cho buổi lễ.

Câu 15. Khi thiết lập liên kết giữa hai bảng, điều kiện tiên quyết về kiểu dữ liệu của hai trường liên kết là gì?

- A.** Phải là kiểu Short Text cho cả hai trường.
- B.** Trường khóa chính phải là kiểu số, khóa ngoài kiểu chữ.
- C.** Không cần quan tâm đến kiểu dữ liệu của các trường.
- D.** Phải cùng kiểu dữ liệu (trừ một số ngoại lệ tương thích).

Câu 16. Một trường trong một bảng mà giá trị của nó tham chiếu đến khóa chính của một bảng khác được gọi là gì?

- A.** Khóa chính.
- B.** Khóa ngoài.
- C.** Khóa phụ.
- D.** Khóa liên kết.

Câu 17. Trong các công việc thường gặp của bài toán quản lý, việc bổ sung thêm một hồ sơ mới vào danh sách thuộc nhóm công việc nào?

- A.** Lưu trữ hồ sơ.
- B.** Cập nhật dữ liệu.
- C.** Thu thập dữ liệu.
- D.** Khai thác thông tin.

Câu 18. Để thay đổi giới hạn số ký tự của một trường tên từ mặc định xuống còn 50 ta điều chỉnh ở đâu trong MS Access?

- A.** Input Mask.
- B.** Format.
- C.** Field Size.
- D.** Default Value.

Câu 19. Khóa chính (Primary Key) của một bảng là một hoặc nhiều trường có đặc điểm gì?

- A. Giúp phân biệt duy nhất các bản ghi trong bảng.
- B. Chứa các giá trị giống nhau ở mọi bản ghi.
- C. Có độ dài lớn nhất trong tất cả các trường.
- D. Luôn phải có kiểu dữ liệu là số nguyên dương.

Câu 20. Trong Access, sau khi đã khai báo các trường, để thiết lập một trường làm khóa chính, ta thực hiện thao tác nào?

- A. Nhập chữ "Khóa chính" vào phần Description của trường.
- B. Chọn kiểu dữ liệu là AutoNumber cho trường đó.
- C. Nháy đúp chuột vào tên trường ở chế độ Datasheet View.
- D. Chọn trường đó và nhấn nút Primary Key trên dải lệnh.

Câu 21. Trong bảng dữ liệu "Nhân viên", trường nào sau đây **không thể** dùng làm khóa chính một mình?

- A. Số Chứng minh nhân dân.
- B. Mã số nhân viên.
- C. Quê quán.
- D. Số thẻ căn cước công dân.

Câu 22. Khi làm việc với Microsoft Access, việc xác định kiểu dữ liệu (Data Type) phù hợp cho mỗi trường có lợi ích chính nào sau đây?

- A. Giúp tự động định dạng hiển thị và căn chỉnh vị trí các cột dữ liệu trong bảng.
- B. Giúp tối ưu hóa bộ nhớ, hỗ trợ các phép toán và kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.
- C. Giúp tăng cường dung lượng tệp tin để đảm bảo không giới hạn số lượng các bản ghi.
- D. Giúp hệ quản trị CSDL tự động xác định khóa chính và tạo liên kết cho các bảng.

Câu 23. Tại sao trong một bảng không được phép có hai bản ghi có giá trị khóa chính trùng nhau?

- A. Để tiết kiệm không gian lưu trữ cho bộ nhớ máy tính.
- B. Để đảm bảo tính duy nhất và định danh chính xác đối tượng.
- C. Để hệ quản trị CSDL tự động sắp xếp dữ liệu theo bảng chữ cái.
- D. Để người dùng có thể nhập dữ liệu nhanh chóng mà không cần kiểm tra.

Câu 24. Thành phần nào sau đây KHÔNG phải là một đối tượng chính trong Microsoft Access?

- A. Table.
- B. Folder (Thư mục).
- C. Query.
- D. Report.

.PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI: Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu 25: Trong một cơ sở dữ liệu quan hệ, việc thiết lập khóa và liên kết bảng tuân thủ các quy tắc sau:

- A. Khi thực hiện liên kết các bảng, khóa chính và khóa ngoài phải có cùng kiểu dữ liệu.
- B. Khóa ngoài của một bảng là một trường (hoặc tập hợp trường) của bảng này nhưng đồng thời lại đóng vai trò là khóa chính của một bảng khác
- C. Khi thiết lập liên kết giữa bảng Mẹ và bảng Con, giá trị của trường khóa ngoài ở bảng Con phải tồn tại trong trường khóa chính của bảng Mẹ (nếu đã thiết lập ràng buộc toàn vẹn),.
- D. Khóa chính của một bảng bắt buộc chỉ được phép là một trường duy nhất; không thể chọn một tập hợp nhiều trường làm khóa chính,.

Câu 26: Trong quá trình thiết kế các bảng dữ liệu để quản lý thư viện trường học, một học sinh đưa ra các nhận định sau:

- A.. Khóa ngoài là một trường (hoặc nhóm trường) của một bảng nhưng lại tham chiếu đến khóa chính của một bảng khác để tạo liên kết.

B. Mỗi bảng dữ liệu trong CSDL quan hệ bắt buộc phải có ít nhất một trường hoặc một nhóm trường làm khóa chính

C. Để đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu (Referential Integrity), giá trị của khóa ngoài phải tồn tại trong tập các giá trị của khóa chính ở bảng được tham chiếu.

D. Khóa chính giúp hệ quản trị CSDL phân biệt được các đối tượng khác nhau, do đó giá trị khóa chính có thể trùng nhau nếu các trường khác khác nhau.

Câu 27: Trong quá trình thiết kế và tạo lập các bảng dữ liệu bằng Microsoft Access, một nhóm học sinh đưa ra các nhận định sau:

A. Tùy chọn "Enforce Referential Integrity" (Ràng buộc toàn vẹn tham chiếu) giúp đảm bảo rằng mọi giá trị ở trường khóa ngoài của bảng con phải tồn tại trong trường khóa chính của bảng mẹ.

B. Trong một bảng dữ liệu, có thể có nhiều bản ghi khác nhau nhưng giá trị tại trường được chọn làm khóa chính (Primary Key) của các bản ghi đó bắt buộc phải khác nhau và không được để trống.

C. Để thay đổi cấu trúc của một bảng (như thêm trường mới, thay đổi kiểu dữ liệu), người dùng phải mở bảng đó ở chế độ Datasheet View (chế độ trang dữ liệu).

D. Khi tạo liên kết (Relationship) giữa hai bảng, hai trường tham gia liên kết bắt buộc phải có tên giống hệt nhau thì hệ thống mới nhận diện được.

Câu 28: Khi làm việc với Microsoft Access để quản lý dữ liệu, học sinh cần nắm vững các thao tác sau:

A. Chế độ **Design View** (Khung nhìn thiết kế) dùng để nhập dữ liệu mới vào bảng, còn chế độ **Datasheet View** (Khung nhìn dữ liệu) dùng để thay đổi kiểu dữ liệu của trường.

B. Muốn thiết lập khóa chính gồm hai trường phối hợp trong Access, ta thực hiện trong chế độ Design View.

C. Kiểu dữ liệu **AutoNumber** là kiểu số mà Access tự động sinh ra cho bản ghi mới; người dùng không thể tự nhập giá trị trực tiếp vào trường này.

D. Việc thiết lập đúng mối quan hệ giữa các bảng lại giúp bảo vệ tính toàn vẹn của dữ liệu.

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề KT có 4 trang)

Mã đề: 104

Họ và tên:.....

Lớp:

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Khi tạo liên kết giữa hai trường của hai bảng, nếu Access báo lỗi "Relationship must be on the same number of fields with the same data types", nguyên nhân là gì?

- A. Do tên của hai bảng giống hệt nhau khiến hệ thống nhầm lẫn.
- B. Do một trong hai bảng chưa được thiết lập khóa chính.
- C. Do hai trường liên kết không cùng kiểu dữ liệu.
- D. Do hai bảng chưa được nhập dữ liệu.

Câu 2. Để thiết lập liên kết 1- nhiều giữa bảng LỚP và bảng HỌC SINH, bạn phải kéo trường khóa chính từ bảng nào thả vào trường tương ứng của bảng nào?

- A. Kéo từ bảng LỚP thả vào bảng HỌC SINH.
- B. Không cần kéo thả, chỉ cần nhấp chuột phải chọn Link.
- C. Kéo từ bảng HỌC SINH thả vào bảng LỚP.
- D. Kéo từ bảng bất kỳ miễn là hai trường có cùng tên.

Câu 3. Để lưu trữ giá tiền của một sản phẩm trong Access, ta nên chọn kiểu dữ liệu nào để hỗ trợ tốt nhất các định dạng tiền tệ?

- A. AutoNumber.
- B. Number.
- C. Short Text.
- D. Currency.

Câu 4. Khẳng định nào sau đây là **SAI** khi nói về quy tắc đặt tên trường trong một bảng?

- A. Tên trường bắt buộc phải viết bằng tiếng Anh để phần mềm nhận diện.
- B. Tên trường nên ngắn gọn và phản ánh nội dung dữ liệu chứa trong đó.
- C. Tên trường có thể chứa dấu cách nhưng nên hạn chế để tránh lỗi truy vấn.
- D. Các trường trong cùng một bảng không được phép trùng tên nhau.

Câu 5. Trong bảng "HOA_DON" gồm: Số_HD, Ngày_lập, Mã_Khách, Tổng_tiền. Nếu mỗi khách hàng có thể mua nhiều hóa đơn trong một ngày, khóa chính phù hợp nhất là:

- A. Số_HD.
- B. Ngày_lập.
- C. Mã_Khách.
- D. Mã_Khách và Ngày_lập.

Câu 6. Trong chế độ thiết kế bảng (Design View), cột "Data Type" dùng để thực hiện việc gì?

- A. Nhập dữ liệu thực tế cho các bản ghi.
- B. Mô tả chi tiết ý nghĩa của các trường dữ liệu.
- C. Khai báo kiểu dữ liệu cho từng trường của bảng.
- D. Thiết lập các ràng buộc bảo mật cho người dùng.

Câu 7. Trong CSDL quan hệ, thuật ngữ "Trường" (Field) dùng để chỉ thành phần nào của bảng?

- A. Một ô dữ liệu duy nhất.
- B. Toàn bộ nội dung bảng.
- C. Một cột trong bảng.
- D. Một hàng trong bảng.

Câu 8. Khóa ngoài (Foreign Key) được sử dụng nhằm mục đích chính là gì?

- A. Để tăng tốc độ tìm kiếm dữ liệu trong bảng.
- B. Để thiết lập mối liên kết giữa các bảng.
- C. Để thay thế cho khóa chính khi khóa chính bị mất.
- D. Để bảo mật dữ liệu cho bảng.

Câu 9. Để mở cửa sổ thiết lập liên kết giữa các bảng trong Access, ta chọn thẻ (Tab) nào trên thanh Ribbon?

- A. Database Tools. B. Home. C. External Data. D. Create.

Câu 10. Tại sao việc sử dụng CSDL lại giúp giảm thiểu sự dư thừa dữ liệu so với lưu trữ bằng tệp tin thông thường?

- A. Vì hệ quản trị CSDL tự động xóa bỏ các bản ghi có nội dung tương tự.
- B. Vì dữ liệu được nén lại để tiết kiệm không gian lưu trữ tối đa.
- C. Vì CSDL không cho phép lưu trữ thông tin về cùng một đối tượng ở nhiều nơi.
- D. Vì dữ liệu được tập trung và chia sẻ dùng chung giữa các bộ phận.

Câu 11. Cho bảng KET_QUA(Mã_HS, Mã_Môn, Điểm_số). Để xác định duy nhất điểm số của một học sinh cho một môn học cụ thể, khóa chính nên là:

- A. Mã_Môn. B. Mã_HS.
- C. Điểm_số. D. Cặp (Mã_HS, Mã_Môn).

Câu 12. Khẳng định nào sau đây về mối quan hệ giữa các bảng là ĐÚNG?

- A. Liên kết giúp ta có thể truy xuất thông tin từ nhiều bảng cùng lúc thông qua truy vấn.
- B. Sau khi tạo liên kết, ta không thể thay đổi cấu trúc của bảng được nữa.
- C. Liên kết chỉ được thực hiện giữa các bảng có cùng tên.
- D. Hai bảng chỉ có thể liên kết với nhau nếu chúng có cùng số lượng bản ghi.

Câu 13. Công việc nào sau đây thuộc về hoạt động "Lưu trữ hồ sơ" trong bài toán quản lý?

- A. Nhập danh sách học sinh mới vào máy tính.
- B. Sửa thông tin địa chỉ của một nhân viên.
- C. In danh sách học sinh giỏi cuối kỳ.
- D. Thống kê tỉ lệ học sinh khá, trung bình.

Câu 14. Bạn đang thiết lập liên kết nhưng Access thông báo lỗi không cho phép lưu vì bảng đang được mở (Table is already in use). Bạn cần làm gì?

- A. Chuyển tất cả các bảng sang chế độ Design View rồi mới liên kết.
- B. Xóa liên kết vừa tạo và làm lại từ đầu.
- C. Khởi động lại máy tính.
- D. Đóng tất cả các bảng đang mở trước khi thiết lập liên kết.

Câu 15. Bảng LOP(Mã_Lớp, Tên_Lớp) và bảng HOC_SINH(Mã_HS, Họ_tên, Mã_Lớp). Khẳng định nào sau đây là đúng về khóa ngoài?

- A. Tên_Lớp trong bảng LOP là khóa ngoài tham chiếu đến bảng HOC_SINH.
- B. Mã_Lớp trong bảng HOC_SINH là khóa ngoài tham chiếu đến bảng LOP.
- C. Mã_HS trong bảng HOC_SINH là khóa ngoài.
- D. Mã_Lớp trong bảng LOP là khóa ngoài.

Câu 16. Trong một hệ CSDL, thành phần nào sau đây đóng vai trò là "phần mềm" để người dùng tương tác và quản lý dữ liệu?

- A. Các tệp tin văn bản rời rạc. B. Hệ quản trị CSDL (DBMS).
- C. Các thiết bị lưu trữ vật lý. D. Cơ sở dữ liệu (Database).

Câu 17. Muốn thay đổi tên một trường đã có trong bảng mà không làm mất dữ liệu hiện có, bạn nên thực hiện thao tác nào?

- A. Mở bảng ở chế độ Design View và sửa tên trường tại cột Field Name.
- B. Xóa trường cũ đi và tạo một trường mới với tên mới.
- C. Mở bảng ở chế độ Datasheet View và nhấp đúp vào tên cột.
- D. Tạo một bảng mới hoàn toàn và sao chép dữ liệu từ bảng cũ sang.

Câu 18. Tại sao các hệ thống quản lý thường dùng số CCCD hoặc Mã định danh để làm khóa chính thay vì dùng Họ tên và Ngày sinh?

- A. Vì hệ quản trị CSDL không hỗ trợ dùng dữ liệu kiểu ngày tháng làm khóa.
- B. Vì Họ tên và Ngày sinh không thể dùng để sắp xếp thứ tự.
- C. Vì Họ tên và Ngày sinh quá dài, gây tốn bộ nhớ khi lưu trữ.
- D. Vì mã định danh đảm bảo tính duy nhất và không bị thay đổi theo thời gian.

Câu 19. Mối liên kết giữa các bảng trong CSDL quan hệ dựa trên thành phần nào?

- A. Tên của các bảng phải có sự liên quan logic.
- B. Các hàng có cùng số thứ tự bản ghi.
- C. Các thuộc tính (trường) chung giữa các bảng.
- D. Các câu lệnh lập trình được viết bên trong bảng.

Câu 20. Trong Access, thuộc tính "Field Size" của kiểu dữ liệu Short Text có giá trị tối đa là bao nhiêu ký tự?

- A. 65535.
- B. 512.
- C. 255.
- D. 128.

Câu 21. Phát biểu nào sau đây mô tả đúng nhất về tính độc lập dữ liệu trong hệ CSDL?

- A. Người dùng có thể truy cập dữ liệu mà không cần thông qua phần mềm.
- B. Một tệp dữ liệu chỉ có thể được sử dụng bởi một chương trình ứng dụng duy nhất.
- C. Cấu trúc dữ liệu có thể thay đổi mà không làm thay đổi các chương trình ứng dụng.
- D. Dữ liệu không bị ảnh hưởng khi ta thay đổi phần cứng máy tính.

Câu 22. Trong cửa sổ Edit Relationships, tùy chọn "Enforce Referential Integrity" có tác dụng gì?

- A. Cho phép người dùng nhập dữ liệu vào bảng con mà không cần bảng cha.
- B. Tự động mã hóa dữ liệu để bảo mật thông tin khách hàng.
- C. Đảm bảo dữ liệu ở bảng khóa ngoài luôn có giá trị khớp với bảng khóa chính.
- D. Tăng tốc độ truy xuất dữ liệu khi thực hiện các câu lệnh tìm kiếm phức tạp.

Câu 23. Chế độ 'Design View' trong Access được dùng để làm gì?

- A. Để thiết kế hoặc thay đổi cấu trúc của bảng (tên trường, kiểu dữ liệu).
- B. Để xóa toàn bộ dữ liệu trong CSDL một cách nhanh chóng.
- C. Để xem kết quả cuối cùng của một báo cáo.
- D. Để nhập các bản ghi mới vào bảng.

Câu 24. Một bảng trong CSDL quan hệ có thể có tối đa bao nhiêu khóa chính?

- A. Không giới hạn số lượng khóa chính trong một bảng.
- B. Có số lượng khóa chính tùy thuộc vào số bản ghi.
- C. Có thể có hai khóa chính hỗ trợ cho nhau.
- D. Chỉ có duy nhất một khóa chính.

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI: Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu 25: Khi thực hành tạo bảng và liên kết trên Access:

- A. Tùy chọn "Cascade Update Related Fields" giúp tự động cập nhật dữ liệu ở bảng con khi bảng cha thay đổi.
- B. Kiểu dữ liệu AutoNumber sẽ tự động tăng giá trị khi có một bản ghi mới được thêm vào.
- C. Trong cửa sổ Relationships, đường nối giữa hai bảng có ký hiệu 1 và ∞ biểu thị mối quan hệ 1-N.
- D. Khi thiết lập liên kết, hai trường liên kết bắt buộc phải có tên gọi hoàn toàn giống nhau.

Câu 26: Khi thiết kế bảng dữ liệu, các khẳng định sau đây là đúng hay sai?

- A. Trường được chọn làm khóa chính có thể nhận giá trị Null (trống) nếu chưa có dữ liệu.
- B. Khóa chính của một bảng có thể bao gồm từ hai trường trở lên gộp lại.
- C. Một bảng có thể không cần có khóa ngoài nhưng bắt buộc phải có khóa chính để hoạt động ổn định.
- D. Khóa ngoài của bảng này phải là khóa chính của một bảng khác trong cùng hệ CSDL.

Câu 27: Khi thiết kế một CSDL để quản lý điểm học sinh, ta có các nhận định sau:

- A. Khóa ngoài là một trường (hoặc nhóm trường) tham chiếu đến khóa chính của một bảng khác để thể hiện mối liên kết dữ liệu.
- B. Khóa chính giúp hệ quản trị CSDL định danh duy nhất mỗi bản ghi trong bảng, đảm bảo không có hai bản ghi nào trùng hoàn toàn giá trị khóa chính.
- C. Một bảng dữ liệu có thể không cần thiết lập khóa chính nếu bảng đó chỉ có ít bản ghi.
- D. Khi nhập dữ liệu cho khóa ngoài, giá trị đó có thể không tồn tại trong bảng được tham chiếu nếu người dùng muốn bổ sung thông tin sau.

Câu 28: Giả sử ta đang tạo lập một CSDL quản lý bán hàng trên Access:

- A. Để thiết lập liên kết giữa hai bảng, hai trường tham gia liên kết bắt buộc phải có cùng kiểu dữ liệu (Data Type).
- B. Khi thiết lập liên kết, nếu chọn "Enforce Referential Integrity", ta có thể xóa một mặt hàng ở bảng Danh mục ngay cả khi mặt hàng đó đã có trong các Hóa đơn.
- C. Thuộc tính Field Size giúp hạn chế dung lượng lưu trữ của các bản ghi bằng cách giới hạn số ký tự tối đa cho trường văn bản.
- D. Với trường "Đơn giá", việc chọn kiểu dữ liệu là Currency sẽ phù hợp hơn kiểu Number vì hỗ trợ ký hiệu tiền tệ và hiển thị chuyên nghiệp.

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

HƯỚNG DẪN CHẤM

Mã đề: 101

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	D	8	D	15	C	22	B
2	B	9	C	16	B	23	A
3	B	10	C	17	A	24	D
4	B	11	D	18	A		
5	C	12	D	19	C		
6	D	13	C	20	C		
7	D	14	C	21	A		

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu	A	B	C	D
1	Đ	S	S	Đ
2	S	Đ	Đ	Đ
3	Đ	S	Đ	Đ
4	Đ	S	Đ	Đ

Mã đề: 102

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	8	C	15	B	22	B
2	B	9	D	16	A	23	B
3	B	10	D	17	D	24	B
4	C	11	D	18	C		
5	D	12	C	19	C		
6	C	13	C	20	A		
7	D	14	A	21	D		

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu	A	B	C	D
1	Đ	S	Đ	Đ
2	Đ	S	Đ	Đ
3	Đ	Đ	Đ	S
4	S	Đ	Đ	S

Mã đề: 103

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	D	8	B	15	D	22	B
2	A	9	C	16	B	23	B
3	C	10	A	17	B	24	B
4	D	11	A	18	C		
5	A	12	C	19	A		
6	A	13	D	20	D		
7	D	14	B	21	C		

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu	A	B	C	D
1	Đ	Đ	Đ	S
2	Đ	Đ	Đ	S
3	Đ	Đ	S	S
4	S	Đ	Đ	Đ

Mã đề: 104

PHẦN I – Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	8	B	15	B	22	C
2	A	9	A	16	B	23	A
3	D	10	C	17	A	24	D
4	A	11	D	18	D		
5	A	12	A	19	C		
6	C	13	A	20	C		
7	C	14	D	21	C		

PHẦN II – Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm

Câu	A	B	C	D
1	Đ	Đ	Đ	S
2	S	Đ	Đ	Đ
3	Đ	Đ	S	S
4	Đ	S	Đ	Đ